

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: TML24B2 Năm học: 24-25
Mã MH/MĐ: MD05290 Học kỳ: 02
Tên MH/MĐ: Trang bị điện
Số TC: 5

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2455202050570	Phạm Thành	Công	30/11/2008				7	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0		7.9
2	2455202050571	Huỳnh Anh	Duy	08/05/2009				0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT		0.0
3	2455202050572	Nguyễn Thế	Duy	31/03/2009				0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT		0.0
4	2455202050573	Lê Quốc	Đạt	13/03/2009				8	9.0	8.0	8.0	9.0	9.0		8.8
5	2455202050574	Trương Phạm Hải	Đăng	08/02/2009				7	8.0	7.0	8.0	8.0	9.0		8.5
6	2455202050575	Đỗ Quốc	Hào	13/09/2009				0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT		0.0
7	2455202050576	Trần Nhật	Hào	25/10/2009				7	8.0	8.0	8.0	9.0	6.0		6.8
8	2455202050579	Nguyễn Đức	Huy	17/07/2009				8	9.0	8.0	9.0	9.0	9.0		8.9
9	2455202050580	Trịnh Quang	Huy	30/12/2009				7	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0		7.9
10	2455202050581	Trần Minh	Khải	30/12/2009				0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT		0.0
11	2455202050582	Lâm Thái	Khang	11/10/2009				0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT		0.0
12	2455202050583	Nguyễn Trọng	Khương	16/12/2009				7	7.0	7.0	8.0	8.0	5.0		6.0
13	2455202050584	Lê Trung	Kiên	03/04/2009				0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT		0.0
14	2455202050585	Trịnh Anh	Kiệt	19/11/2009				8	8.0	7.0	8.0	8.0	9.0		8.5
15	2455202050586	Mo Ha Med Sa	Leh	18/08/2009				0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT		0.0
16	2455202050587	Nguyễn Trọng	Lễ	23/02/2009				0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT		0.0
17	2455202050588	Đoàn Quốc	Minh	24/11/2009				0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT		0.0
18	2455202050589	Phạm Quốc	Minh	01/03/2009				7	7.0	7.0	8.0	8.0	6.0		6.6
19	2455202050590	Nguyễn Hòa	Nam	15/05/2009				7	7.0	6.0	7.0	8.0	9.0		8.2
20	2455202050591	Lê Thanh	Phú	27/07/2009				0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT		0.0
21	2455202050592	Nguyễn Văn	Quý	19/02/2009				7	7.0	7.0	8.0	8.0	5.0		6.0
22	2455202050593	As Sa Na	Quy	19/11/2008				6	7.0	6.0	7.0	7.0	0.0		2.7
23	2455202050594	Nguyễn Huỳnh Duy	Tân	10/08/2009				7	7.0	7.0	7.0	8.0	5.0		5.9
24	2455202050596	Nguyễn Hoàng	Thiện	28/12/2009				0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT		0.0
25	2455202050597	Trương Võ Thanh	Thương	19/07/2009				7	7.0	8.0	8.0	8.0	5.0		6.1
26	2455202050599	Đinh Minh	Triết	10/12/2009				0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT		0.0
27	2455202050600	Sa Phi Y Dương Anh	Tuấn	20/09/2008				6	7.0	7.0	7.0	7.0	5.0		5.8
28	2455202050601	Võ Anh	Vinh	22/09/2009				8	8.0	9.0	9.0	9.0	8.0		8.3

Châu Đốc, ngày 7 tháng 7 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Tấn Tài